

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 519/2024/TLST- HNGĐ ngày 01/11/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 30 H, tổ 2, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn K 1, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Huỳnh Văn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Huỳnh Văn H thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Đương sự đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung và thỏa thuận như sau: Giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc An Nh, sinh ngày 22/6/2016 và Huỳnh Minh Kh, sinh ngày 12/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Huỳnh Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị O.

Anh Huỳnh Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 ; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*) là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị Nguyễn Thị Kiều O nhận chịu toàn bộ số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị O đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000254 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Kiều O được trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Hương

